ĐIỀU KHOẢN THAM CHIẾU CHO CHUYÊN GIA TRONG NƯỚC
XÂY DỰNG ĐỀ ÁN THÍ ĐIỂM
CUNG CẤP DỊCH VỤ CHĂM SÓC SỨC KHỎE SINH SẢN/
SỨC KHỎE TÌNH DỤC THÂN THIỆN VỊ THÀNH NIÊN/THANH NIÊN
Hoạt động POAASRHG18, thuộc Đầu ra 2.1

Hà Nội, ngày tháng năm 2020

1. Những thông tin chung:

- Sức khỏe sinh sản và sức khỏe tình dục (SKSS, SKTD) là một trong những yếu tố quan trọng có ý nghĩa quyết định tới sự phát triển lành mạnh về thể chất và tinh thần của vị thành niên-thanh niên (VTN-TN), đến chất lượng dân số, chất lượng nguồn nhân lực và tương lai của giống nòi. Kể từ những năm 1990, các chương trình nghị sự của Liên Hiệp Quốc đã ủng hộ vì sự tiến bộ và thúc đẩy quyền về sinh sản và tình dục, về sức khỏe, đó là một quyền của con người và gắn liền với nó là quyền đối với dịch vụ y tế. Quyền của phụ nữ và trẻ em gái đối với sự tự chủ, và lựa chọn liên quan đến SKSS, SKTD không ngừng tăng lên như: quyền quyết định, kiểm soát, tự chủ, lựa chọn và không bị bạo lực [1].
- Tháng 8 năm 2015, 193 quốc gia đã thống nhất với 17 mục tiêu toàn cầu về Phát triển bền vững (2015-2030), mỗi mục tiêu được kết nối với nhau và thành công trong một mục tiêu thường sẽ giải quyết các vấn đề liên quan đến một lĩnh vực khác Trong đó, mục tiêu 3.7 hướng tới đảm bảo việc tiếp cận các dịch vụ chăm sóc SKSS, SKTD trên toàn cầu, bao gồm kế hoạch hóa gia đình (KHHGĐ), thông tin và giáo dục, và đưa vấn đề SKSS, SKTD vào các chiến lược và chương trình của quốc gia [2].
- Ở Việt Nam, vấn đề SKSS & SKTD VTN-TN được Bộ Y tế xác định là một trong những nội dung ưu tiên trong "Kế hoạch tổng thể quốc gia về bảo vệ, chăm sóc và nâng cao sức khỏe của VTN và TN Việt Nam giai đoạn 2006-2010 và định hướng đến năm 2020"; "Chiến lược Dân số và Sức khỏe sinh sản Việt Nam giai đoạn 2011-2020".
- Mặc dù Việt Nam đạt được những thành công nhất định trong chăm sóc SKSS, SKTD của VTN-TN, nhưng vẫn còn một số những bất cập như kiến thức, kỹ năng về chăm sóc SKSS, SKTD của VTN-TN còn hạn chế về giáo dục SKSS, SKTD chưa tiếp cận được ở diện rộng; việc cung cấp thông tin, dịch vụ thân

thiện về SKSS, SKTD chưa đáp ứng được nhu cầu đa dạng của VTN-TN. Tình trạng quan hệ tình dục sớm, quan hệ tình dục không an toàn, mang thai ngoài ý muốn và phá thai không an toàn, nguy cơ lây nhiễm bệnh lây truyền qua đường tình dục… của VTN-TN vẫn chưa được cải thiện đáng kể, đặc biệt là ở khu vực nông thôn, vùng sâu, các khu công nghiệp tập trung…, nhóm VTN-TN yếu thế (dân tộc thiểu số, khuyết tật…). Theo kết quả điều tra quốc gia về SKSS & SKTD năm 2015 cho thấy ngày nay VTN-TN được thụ hưởng chất lượng cuộc sống cao hơn, tiếp cận thiết bị hiện đại giúp tiếp cận thông tin dễ dàng hơn như máy tính (52%), và kết nối internet (49%), cải thiện hơn đáng kể so với số liệu năm 2009 (20% và 11%). Hơn 90% thanh thiếu niên trong độ tuổi 10-24 cho biết đã trao đổi và tiếp cận thông tin thông qua các kênh hiện đại như Internet, TV và tin nhắn SMS trên điện thoại di động. Tuy nhiên, các chương trình SKSS & SKTD VTN-TN vẫn đang tồn tại một số thách thức đe dọa, ảnh hưởng tới việc thực hiện chương trình, cụ thể như sau: *1) Sức khỏe tình dục*: Tuổi trung bình lần quan hệ tình dục đầu tiên của các đối tượng điều tra (tuổi 14-24) là 18,7 (2017) sớm hơn so với kết quả của các điều tra trước 19,6 (2010). Khoảng 13% thanh thiếu niên cho biết đã từng có quan hệ tình dục và trung bình họ đã có 2 bạn tình. Trong tổng số thanh thiếu niên tham gia cuộc điều tra, 15% cho biết có quan hệ tình dục trước hôn nhân. VTN-TN Việt Nam có kiến thức chưa đầy đủ và thực hành chưa đúng về các vấn đề sức khỏe tình dục. Một nghiên cứu trên đối tượng nữ công nhân di cư ở tuổi TN cho thấy tỷ lệ không sử dụng BPTT trong 6 tháng qua là 27,8%. *2) Hôn nhân, mang thai, phá thai, sinh con*: Kiến thức về mang thai của thanh thiếu niên trong độ tuổi 10-24 không đầy đủ, chỉ có 17% trả lời đúng các câu hỏi về những ngày mà phụ nữ có khả năng thụ thai. Trong tổng số nữ trong độ tuổi 15-24, có 18 trên 1,000 người đã từng phá thai (chiếm 9,2% trong tổng số những người đã từng có thai). Tỉ lệ phá thai cao hơn ở nhóm nữ trong độ tuổi 19-24, dân tộc thiểu số và nữ đã từng kết hôn so với nhóm nữ trong độ tuổi từ 15-18, người Kinh và người chưa từng kết hôn. Nhu cầu chưa được đáp ứng về biện pháp tránh thai hiện đại trung bình khoảng 30% và thậm chí lên tới 48,4% đối với nữ chưa từng kết hôn độ tuổi 15-24. Trong tổng số thanh thiếu niên tham gia nghiên cứu, 83% đã từng nghe nói về bao cao su nam và 63,4% hiểu đúng mục đích của việc dùng bao cao su. Tuy nhiên, chỉ có 26% trong số họ

biết các sử dụng bao cao su đúng cách. *3) HIV và nhiễm khuẩn đường sinh sản*: Thanh thiếu niên trong độ tuổi 10-24 có kiến thức cơ bản nhưng không đầy đủ về HIV/AIDS, chỉ có 27% có kiến thức đúng, toàn diện và có khả năng trả lời tất cả các câu hỏi về HIV/AIDS. Tỉ lệ thanh thiếu niên có thái độ chấp nhận người nhiễm HIV còn thấp (14%). Chỉ có 21% nam trong độ tuổi 10-24 có thể nêu được một triệu chứng của các viêm nhiễm đường sinh sản và tỷ lệ này ở nữ là 19%. Khoảng 28% nam và 55% nữ cho biết có triệu chứng viêm nhiễm đường sinh sản trong vòng 6 tháng qua (2015). *4) Bạo lực*: Thái độ bình đẳng giới của VTN-TN nhìn chung là khá thấp, đặc biệt là ở nhóm nam (9,5%) và dân tộc thiểu (6,4%). Khoảng 60% thanh thiếu niên đang đi học đã bị một hình thức bạo lực học đường trong vòng 12 tháng qua. Bạo lực tinh thần phổ biến nhất (50%), tiếp đến là bạo lực thể chất (34%) và cuối cùng là bạo lực tình dục (12%). Học sinh/sinh viên nam bị bạo lực học đường nhiều hơn học sinh/sinh viên nữ. Khoảng 9,4% thanh thiếu niên đã từng bị bạo lực gia đình trong vòng 12 tháng qua trong đó gần một nửa (42%) cho biết họ đã không làm gì khi bị bạo hành. *5)Tìm kiếm và tiếp cận thông tin về SKSS & SKTD:* VTN-TN vẫn gặp phải nhiều khó khăn khi tiếp cận các dịch vụ SKSS & SKTD đảm bảo chất lượng, ví dụ các dịch vụ kế hoạch hóa gia đình (KHHGĐ) hiện nay tập trung chủ yếu vào những người đã kết hôn. Can thiệp, chương trình SKSS & SKTD VTN-TN còn thiếu hụt trong giải quyết các vấn đề của các nhóm thiệt thòi, dân tộc thiểu số, và vấn đề giới. Phương tiện thông tin đại chúng là nguồn thông tin phổ biết nhất để tìm hiểu thông tin về 9 chủ đề SKSS & SKTD. Yếu tố quan trọng nhất để lựa chọn cơ sở cung cấp dịch vụ SKSS & SKTD là khoảng cách gần nhà và nơi làm việc (38%); tiếp đến là sự tin tưởng vào năng lực chuyên môn của cán bộ y tế (33%); cuối cùng là cơ sở và thiết bị tốt (23%).

- Vụ Sức khỏe Bà mẹ - Trẻ em đang xây dựng "Kế hoạch hành động quốc gia về chăm sóc SKSS-SKTD của vị thành niên-thanh niên giai đoạn 2020-2025", đưa ra các định hướng và giải pháp chính nhằm giải quyết những vấn đề tồn tại trên, cải thiện tình trạng SKSS, SKTD của VTN-TN. Hiện tại Dự thảo Kế hoạch hành động đang được hoàn thiện để trình Lãnh đạo Bộ Y tế phê duyệt, ban hành.

- Trong điều kiện kinh phí trung ương rất hạn hẹp, để có thể vận động kinh phí của chính quyền địa phương, Vụ Sức khỏe Bà mẹ - Trẻ em, Bộ Y tế sẽ triển khai xây dựng Đề án thí điểm cung cấp dịch vụ chăm sóc SKSS/SKTD thân thiện vị thành niên/thanh niên, trình Lãnh đạo Bộ Y tế phê duyệt; để làm cơ sở cho các tỉnh lập đề án cấp tỉnh, xin chính quyền địa phương cấp kinh phí thực hiện. Vụ Sức khỏe Bà mẹ - Trẻ em có nhu cầu thuê một chuyên gia tư vấn trong nước để xây dựng dự thảo Đề án thí điểm này.

2. Mục đích

Xây dựng Đề án thí điểm cung cấp dịch vụ chăm sóc sức khỏe sinh sản/sức khỏe tình dục (SKSS/SKTD) thân thiện vị thành niên/thanh niên (VTN/TN), trình Bộ Y tế phê duyệt để làm cơ sở cho việc triển khai tại các tỉnh.

3. Phạm vi công việc

- Chuyên gia sẽ làm việc với Vụ Sức khỏe Bà mẹ - Trẻ em để xây dựng Đề án thí điểm cung cấp dịch vụ chăm sóc SKSS/SKTD thân thiện vị thành niên/thanh niên, trình Bộ Y tế phê duyệt để làm cơ sở cho việc triển khai tại một số tỉnh thí điểm, với mục đích cải thiện tình trạng SKSS, SKTD bằng việc cung cấp các dịch vụ thân thiện với VTN-TN ở các cơ sở y tế các cấp.
- Nội dung Đề án thí điểm cung cấp dịch vụ chăm sóc SKSS/SKTD thân thiện vị thành niên/thanh niên tại một số tỉnh bao gồm những nội dung chính sau đây:
    + Tóm tắt thực trạng và một số nguyên nhân về chính sách đối với vấn đề SKSS/SKTD của VTN/TN
    + Tóm tắt thực trạng và một số nguyên nhân về chương trình đối với vấn đề SKSS/SKTD của VTN/TN
    + Cơ sở xây dựng đề án
    + Mục tiêu của đề án: gồm Mục tiêu chung và Mục tiêu cụ thể
    + Thời gian, địa điểm và phạm vi triển khai, đối tượng can thiệp
    + Các hoạt động chính/Kết quả mong đợi
    + Giám sát, theo dõi và đánh giá
    + Phương thức tổ chức thực hiện
    + Dự kiến kinh phí
    + Trách nhiệm các đơn vị liên quan

- Chuyên gia tư vấn cá nhân có trách nhiệm sau đây:
    + Biên soạn bản thảo 1 Đề án dựa trên cơ sở tự thu thập và rà soát các tài liệu trong và ngoài nước liên quan .
    + Chỉnh sửa bản thảo 1, xây dựng bản thảo 2 dựa trên góp ý của các chuyên gia.
    + Chỉnh sửa bản thảo 2, xây dựng bản thảo 3 dựa trên góp ý của các chuyên gia.
    + Tham gia các hội nghị/hội thảo và các cuộc họp để thống nhất lộ trình, bố cục và các nội dung chính của Đề án thí điểm thí điểm cung cấp dịch vụ chăm sóc SKSS/SKTD thân thiện vị thành niên/thanh niên; các cuộc họp/hội thảo đóng góp cho dự thảo *(nếu Vụ SKBMTE có điều kiện tổ chức)*

4. Đầu ra và thời gian dự kiến.

Chuyên gia hoàn thiện viết bản thảo 1, 2, 3 Đề án thí điểm cung cấp dịch vụ chăm sóc SKSS/SKTD thân thiện vị thành niên/thanh niên và nộp cho Vụ Sức khỏe Bà mẹ - Trẻ em trong thời gian 35 ngày làm việc, tổng thời gian hoàn thành công việc không quá 9 tháng.

5. Yêu cầu đối với chuyên gia trong nước

- Có trình độ sau đại học chuyên ngành về Y tế/Y tế công cộng/Dịch tễ học
- Có kinh nghiệm trong xây dựng các văn bản quản lý, chiến lược, kế hoạch hành động, đề án, dự án; ưu tiên người đã tham gia xây dựng các chương trình can thiệp, các, chính sách liên quan đến sức khỏe vị thành niên, thanh niên
- Có kinh nghiệm trong việc đánh giá các chương trình, các chính sách, chiến lược về y tế, đề án, dự án can thiệp; ưu tiên người đã tham gia đánh giá, rà soát chương trình, chính sách liên quan đến sức khỏe vị thành niên, thanh niên
- Có kinh nghiệm trong quản lý hoặc thực hiện chương trình thuộc các lĩnh vực y tế công cộng, sản phụ khoa, nhi khoa, sức khỏe vị thành niên và thanh niên
- Có kinh nghiệm trong công tác nghiên cứu khoa học (quản lý, tham gia điều phối…)
- Có kinh nghiệm làm việc với các tổ chức quốc tế/LHQ/các tổ chức chính trị xã hội trong các chương trình, dự án trong nước và nước ngoài
- Sử dụng thành thạo Tin học văn phòng và Tiếng Anh

6. Dự trù kinh phí

TT	Mục chi	Hạng mục sử dụng		Tần suất làm việc/ sử dụng		Đơn giá/định mức		Tổng	
		SL	ĐV	SL	ĐV	USD	VND	USD	VND
	HĐ POAASRHG18, Đầu ra 2.1: Xây dựng Đề án thí điểm cung cấp dịch vụ chăm sóc SKSS/SKTD thân thiện vị thành niên/thanh niên								
1	Xây dựng bản thảo 1	1	Người	17	Ngày	192	2,700,000		45,900,000
2	Xây dựng bản thảo 2	1	Người	10	Ngày	192	2,700,000		27,000,000
3	Xây dựng bản thảo 3	1	Người	8	Ngày	192	2,700,000		21,600,000
	Tổng			35				4,073	94,500,000

Tương đương với 4.073 USD (theo Kế hoạch được UNFPA phê duyệt)

Duyệt **Người lập bảng**

Nguyễn Đức Vinh **Nghiêm Thị Xuân Hạnh**

Vụ trưởng Vụ Sức khỏe Bà mẹ - Trẻ em **Chuyên viên Vụ Sức khỏe Bà mẹ - Trẻ em**